

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ SAO SỚM

?????

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**CƠ SỞ ĐẦU TƯ KHU KHAI THÁC ĐẤT SAN LẤP NAM
NÚI MAVIECK, XÃ PHƯỚC DINH, HUYỆN THUẬN NAM,
TỈNH NINH THUẬN**

CÔNG SUẤT KHAI THÁC: 27.600 M³/NĂM NGUYÊN KHAI

*(Báo cáo đã được chỉnh sửa theo Thông báo số 42/TB-TTĐ ngày
04/12/2024 của UBND huyện Thuận Nam về việc ý kiến hồ sơ đề nghị
cấp giấy phép môi trường của cơ sở " Khai thác đất san lấp Nam núi*

NINH THUẬN, NĂM 2024

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ SAO SỚM

?????

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**CƠ SỞ ĐẦU TƯ KHU KHAI THÁC ĐẤT SAN LẤP NAM
NÚI MAVIECK, XÃ PHƯỚC DINH, HUYỆN THUẬN
NAM,
TỈNH NINH THUẬN**

CÔNG SUẤT KHAI THÁC: 27.600 M³/NĂM NGUYÊN KHAI

(Báo cáo đã được chỉnh sửa theo Thông báo số 42/TB-TTĐ ngày 04/12/2024 của UBND huyện Thuận Nam về việc ý kiến hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở " Khai thác đất san lấp Nam núi Mavieck" tại xã Phước Dinh)

CHỦ CƠ SỞ

NINH THUẬN, NĂM 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	v
DANH MỤC BẢNG	vi
DANH MỤC HÌNH.....	vii
Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	8
1.1. Tên chủ cơ sở.....	8
1.2. Tên cơ sở	8
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	12
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	12
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	12
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở	13
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp, điện, nước của cơ sở.....	13
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	14
1.5.1. Trữ lượng mỏ	14
1.5.2. Tuổi thọ mỏ.....	14
1.5.4. Vị trí mỏ và, trình tự khai thác.....	14
1.5.5. Khối lượng và quy mô các hạng mục công trình.....	14
1.5.6. Chế độ làm việc	15
1.5.7. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường	15
Chương II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	17
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	17
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải	17
Chương III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	19

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	19
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa	19
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải sinh hoạt.....	19
3.1.3. Xử lý nước thải	20
3.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải, tiếng ồn và độ rung.....	21
3.2.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải tại khu vực moong khai thác.....	21
3.2.2. Giảm thiểu bụi trên tuyến đường vận chuyển	21
3.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	22
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	22
3.3.1. Các công trình, biện pháp xử lý chất thải rắn sinh hoạt	22
3.3.2. Các công trình, biện pháp xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường	23
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	23
3.4.1. Công trình, biện pháp lưu giữ tạm CTNH.....	23
3.4.2. Các biện pháp xử lý chất thải nguy hại.....	24
3.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi cơ sở đi vào vận hành	24
3.5.1. Phòng ngừa sự cố cháy nổ, sét đánh	24
3.5.2. Biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	25
3.5.3. Biện pháp giảm thiểu sự cố sạt lở bờ moong	26
3.6. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác	26
3.7. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có).....	26
3.7.1. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường	26
3.7.2. Kế hoạch thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường	27
3.7.3. Tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường	28
3.7.4. Kế hoạch thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường sau khi cấp Giấy phép môi trường	29
3.8. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp.....	29

Chương IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	32
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	32
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:	32
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:	34
4.4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại	35
4.5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở đầu tư có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất	35
Chương V KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	36
5.1. Kết quả quan trắc định kì đối với bụi, khí thải, tiếng ồn.....	36
5.2. Kết quả quan trắc định kì đối với nước thải	38
Chương VI CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .	39
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	39
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	39
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải	39
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	42
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ chất thải	42
6.2.2. Chương trình quan trắc môi trường tự động, liên tục chất thải ..	42
6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của Chủ cơ sở	42
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	42
Chương VII KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	43
Chương VIII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	44
8.1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường	44

8.2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.....	44
PHỤ LỤC KÈM THEO BÁO CÁO	46

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CP	Cổ phần
CTNH	Chất thải nguy hại
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
ĐCTV	Địa chất Thủy văn
ĐCCT	Địa chất Công trình
ĐVC	Đường vận chuyển
ĐVT	Đơn vị tính
GSMT	Giám sát môi trường
GXN	Giấy xác nhận
KTXH	Kinh tế - Xã hội
Max	Giá trị lớn nhất
Min	Giá trị nhỏ nhất
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QL	Quốc lộ
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TL	Tỉnh lộ
TNMT	Tài nguyên môi trường
TNGT	Tai nạn giao thông
TP	Thành phố
UBND	Ủy ban nhân dân
UB MTTQ	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc
WHO	Tổ chức Y tế thế giới
VLXD	Vật liệu xây dựng
VSLĐ	Vệ sinh lao động

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Tọa độ các điểm khếp góc khu vực khai thác.....	8
Bảng 1.2. Tọa độ các điểm khếp góc khu vực trả lại diện tích khai thác.....	9
Bảng 1.3. Bảng liệt kê diện tích sử dụng đất của mỏ và hiện trạng sử dụng đất	14
Bảng 3.1. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại mỏ năm 2023	23
Bảng 3.2. Danh mục chất thải nguy hại phát sinh đề nghị cấp phép.....	24
Bảng 3.3. Kế hoạch thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường	28
Bảng 3.4. Khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường Công ty tiếp tục thực hiện	29
Bảng 3.5. Nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Kế hoạch BVMT.....	31
Bảng 4.1. Các thông số ô nhiễm	32
Bảng 4.2. Tọa độ cấp phép khí thải từ quá trình khai thác tại mỏ	34
Bảng 4.3. Thông số ô nhiễm và giới hạn cho phép đối với môi trường không khí xung quanh	34
Bảng 4.4. Tọa độ cấp phép tiếng ồn, độ rung từ quá trình khai thác tại mỏ ...	34
Bảng 4.5. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn	35
Bảng 4.6. Giá trị giới hạn đối với độ rung.....	35
Bảng 5.1. Thống kê vị trí điểm quan trắc	36
Bảng 5.2. Kết quả quan trắc	36
Bảng 5.3. Thống kê vị trí điểm quan trắc	37
Bảng 5.4. Kết quả quan trắc môi trường không khí năm 2023	37
Bảng 6.1. Danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm của cơ sở.....	39
Bảng 6.2. Thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải	39
Bảng 6.3. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải trong giai đoạn vận hành ổn định.....	41

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Sơ đồ công nghệ khai thác.....	12
Hình 3.1. Sơ đồ công nghệ khai thác.....	20
Hình 3.2. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải sinh hoạt.....	21
Hình 3.3. Kho chứa CTNH tại cơ sở	23

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở

- **Chủ cơ sở:** Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sao Sớm.
- **Địa chỉ văn phòng:** Thôn Sơn Hải 1, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.
- **Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở:** Ông Lê Văn Sửa.
- **Chức vụ:** Giám đốc.
- **Điện thoại:** 0918.333049 – 0919.305012
- **Giấy phép đăng ký kinh doanh số:** 4500523044 của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sao Sớm do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp chứng nhận lần đầu vào ngày 24 tháng 05 năm 2012, thay đổi lần thứ 1 vào ngày 16 tháng 09 năm 2022.

1.2. Tên cơ sở

- **Tên cơ sở:** Đầu tư khu khai thác đất san lấp Nam núi Mavieck, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.
- **Địa điểm cơ sở:** Phía Nam núi Mavieck thuộc xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

Diện tích khu khai thác là 3,5038 ha. Diện tích này đã được UBND tỉnh đồng ý cho thuê đất tại Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 08/06/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc điều chỉnh Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 10/07/2018 (về việc cho Công ty Cổ phần TNHH Thương mại và Dịch vụ Sao Sớm thuê đất để thực hiện dự án Xây dựng công trình khai thác đất san lấp Nam núi Mavieck xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận) và Hợp đồng thuê đất số 52/HĐTĐ ngày 31/07/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận.

Diện tích khu khai thác tọa độ theo hệ tọa độ VN-2000 kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiều 3° , cụ thể như sau:

Bảng 1.1. Tọa độ các điểm khép góc khu vực khai thác

Điểm góc	Tọa độ		Điểm góc	Tọa độ	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
1	1265263	580099	D	1265156	580018
2	1265176	580258	C	1265182	580079
3	1265087	580269	B	1265232	580079

4	1265011	580152	A	1565243	580062
---	---------	--------	---	---------	--------

(Nguồn: Quyết định số 740/QĐ-UBND cấp ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận)

Căn cứ theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 04/GP-UBND cấp ngày 22/01/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận thì khu vực khai thác có diện tích 4,0038 ha. Tuy nhiên, Công ty đã xin trả lại một phần diện tích và đã được UBND tỉnh Ninh Thuận chấp thuận tại Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc cho phép trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản tại mỏ đất san lấp Nam núi Mavieck, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam. Theo đó diện tích xin trả lại là 0,5 ha; có tọa độ theo hệ tọa độ VN-2000 kinh tuyến trực $108^{\circ} 15'$, múi chiếu 3° cụ thể như sau:

Bảng 1.2. Tọa độ các điểm khép góc khu vực trả lại diện tích khai thác

Điểm góc	Tọa độ		Điểm góc	Tọa độ	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
5	1265193	579984	B	1265232	580079
6	1265203	580008	C	1265182	580079
7	1265213	580003	D	1265156	580018
A	1265243	580062			

(Nguồn: Quyết định số 740/QĐ-UBND cấp ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận)

Công ty đã thực hiện Đề án đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác và đã được UBND tỉnh Ninh Thuận đồng ý tại Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 về việc đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp Nam núi Mavieck đã cấp cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sao Sớm tại xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

Tiếp giáp xung quanh của khu mỏ như sau:

- Phía Đông giáp với đất trống.
- Phía Tây giáp với đất trống.
- Phía Nam giáp với đất trống, cách 50m là khu văn phòng của Công ty.
- Phía Bắc giáp với khu chế biến của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 319 Miền Nam (khu vực Công ty đã thực hiện đóng cửa mỏ).

Môi trường quan của vị trí khu mỏ với các đối tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội và các đối tượng khác

- Hệ thống đường giao thông: Từ biên mả ra đường Văn Lâm – Sơn Hải Chủ đầu tư làm con đường rất dài 477m, rộng 5-6m. Từ đường này có thể ra QL-1A, đi huyện Thuận Nam hay đường quốc phòng ven biển đi Cà Ná hay Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm khá thuận lợi cho việc khai thác, vận chuyển đất san lấp đi công trình khác.

- Sông suối và các nguồn nước khác:

+ Phía Tây Nam có suối Ba Họng bắt nguồn từ núi Mavieck, chảy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam bổ cấp nước cho ao nước gần đường đất trước khi chảy ra suối Mía và đổ về Biển Đông. Suối Ba Họng là nơi tiếp nhận nước từ các lưu vực của sườn phía Tây Nam núi Mavieck, đây là lưu vực khá lớn nên lượng nước và dòng chảy của suối khá ổn định. Suối rộng từ 0,5-1,0m, mùa khô dòng chảy nhỏ, mùa mưa có độ sâu từ 1,0m-2,0m và có nước quanh năm.

- Về dân cư: Xung quanh khu vực chủ yếu là đất trống, đất chưa canh tác do điều kiện khí hậu khắc nghiệt, thường xuyên thiếu nước vào mùa khô. Gia súc chủ yếu là bò, dê, cừu...Cách khu vực khai thác 200m về hướng Đông Nam có 3 hộ dân chăn nuôi gia súc và 1 chuồng bò của người dân.

Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt cơ sở:

- Giấy phép thăm dò khoáng sản số 26/GP-UBND ngày 20/10/2016 của UBND tỉnh Ninh Thuận.

- Quyết định số 141/QĐ-UBND ngày 16/05/2017 của UBND về việc Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất san lấp trong “ Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất san lấp Nam núi Mavieck tại khu vực xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận”.

- Văn bản số 2048/SXD-KT&VLXD ngày 06/07/2017 của Sở xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của Dự án đầu tư khai thác mỏ đất san lấp Nam núi Mavieck, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

- Quyết định số 770/QĐ-SS ngày 07/07/2017 của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sao Sớm về việc Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Khai thác đất san lấp Nam núi Mavieck, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

- Quyết định số 1887/QĐ-UBND ngày 02/10/2017 và Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 12/01/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc Phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh tiền cấp khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp Nam núi Mavieck, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

- Quyết định chủ trương đầu tư số 423/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận cấp cho Dự án xây dựng công trình khai thác đất san lấp Nam núi Mavieck, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

- Giấy phép khai thác khoáng sản số 04/GP-UBND cấp ngày 22/01/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc cho phép Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sao Sớm khai thác khoáng sản đất san lấp bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ Nam núi Mavieck, xã Phước Dinh, huyện Thuận An, tỉnh Ninh Thuận.

- Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 10/07/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc cho Công ty Cổ phần TNHH Thương mại và Dịch vụ Sao Sớm thuê đất để thực hiện dự án Xây dựng công trình khai thác đất san lấp Nam núi Mavieck xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

- Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc cho phép trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản tại mỏ đất san lấp Nam núi Mavieck, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam.

- Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 08/06/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc điều chỉnh Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 10/07/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Quyết định số 366/QĐ-UBND ngày 07/07/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc Phê duyệt Đề án đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp Nam núi Mavieck, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

- Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp Nam núi Mavieck đã cấp cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sao Sớm, tại xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần

- Quyết định số 2113/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận về Phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án xây dựng công trình khai thác đất san lấp Nam núi Mavieck thuộc xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

- Giấy xác nhận số 3084/GXN-STNMT ngày 21/07/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận xác nhận Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sao Sớm đã đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án xây dựng công trình khai thác đất san lấp Nam núi Mavieck tại thôn Sơn Hải 1, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

- Quy mô của cơ sở:

+ Cơ sở đầu tư khu khai thác khoáng sản vật liệu san lấp khu vực Nam núi Mavieck, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận, có tổng mức đầu tư khoảng 2.416.388.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm mười sáu triệu ba trăm tám mươi tám nghìn đồng) thuộc dự án đầu tư nhóm C được quy định tại khoản 1, Điều 10 Luật đầu tư công số 39/2019/QH13 và thuộc số thứ tự 9 mục III phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

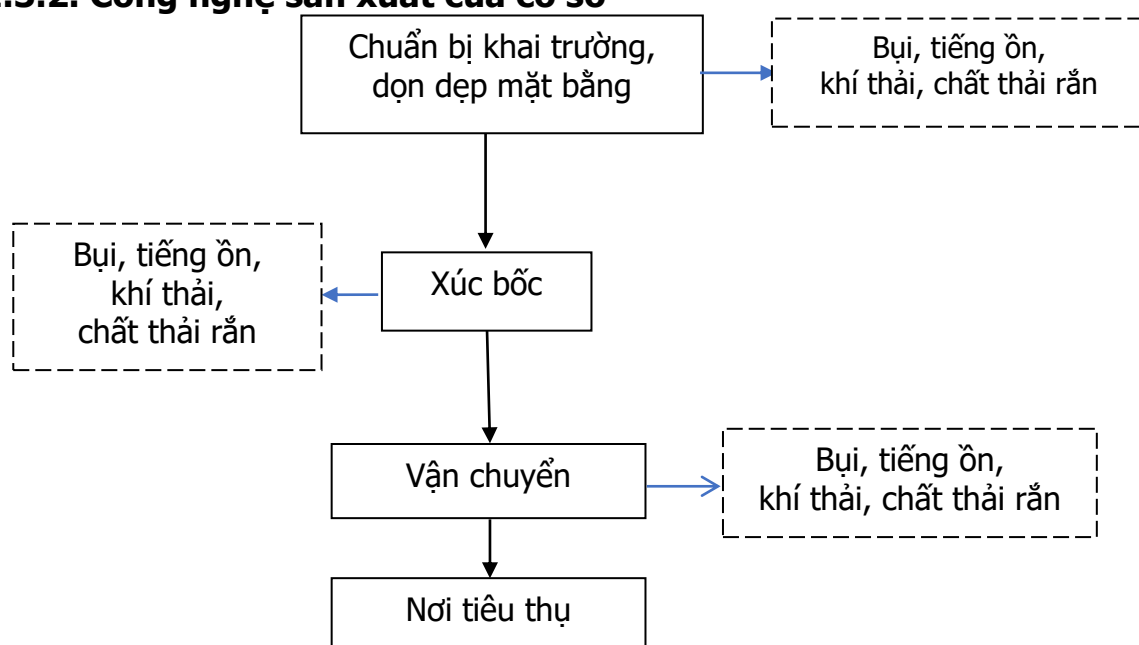
+ Theo quy định tại khoản 2 Điều 39, khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường và thẩm quyền cấp giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư là Ủy ban nhân dân huyện Thuận Nam; Theo khoản 3 Điều 28 nội dung chính của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường theo Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Công suất khai thác: 27.600 m³/năm nguyên khai.

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở



Hình 1.1. Sơ đồ công nghệ khai thác

Thuyết minh dây chuyền công nghệ khai thác và các yếu tố tác động đến môi trường:

- Dọn lớp phủ thực vật: Công ty thực hiện phát quang địa hình để chuẩn bị mặt bằng khai thác (khai thác đến đâu phát quang đến đấy). Trong hoạt động này phát sinh chủ yếu là bụi và tiếng ồn, rác thải thực vật.

- Công đoạn xúc bốc: Công ty sử dụng máy xúc thủy lực gầu ngược 0,7 m³/gầu xúc để xúc thành phẩm lên xe ô tô 9 tấn. Trong hoạt động này phát sinh chủ yếu là bụi và tiếng ồn, khí thải, chất thải rắn.

- Vận chuyển đến nơi tiêu thụ: để phù hợp với điều kiện thực tế mỏ và công suất khai thác lựa chọn, thiết bị vận tải sử dụng cho mỏ là ô tô 9 tấn.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm đầu ra của cơ sở là đất san lấp với công suất 27.600 m³ nguyên khai/năm.

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp, điện, nước của cơ sở

1.4.1. Nhu cầu nhiên, vật liệu đầu vào

Lượng nhiên liệu phục vụ cho các thiết bị trong khai thác gồm dầu, mỡ, phục vụ cho các thiết bị động lực như xe xúc, xe tải, ô tô... được mua từ các đơn vị kinh doanh tại địa phương theo định mức, lượng nhiên liệu tiêu thụ khoảng 16.950 lít/năm.

1.4.2. Nhu cầu điện năng và nguồn cung cấp

- + Cơ sở sử dụng khoảng 4.380 kWh/năm chủ yếu cung cấp cho hoạt động chiếu sáng sinh hoạt.

- + Trên thực tế, mỏ hoạt động 01 ca/ngày, thời gian hoạt động từ 7 giờ sáng đến 5 giờ chiều trong điều kiện ánh sáng mặt trời bình thường nên không cần phải xây dựng hệ thống chiếu sáng cho thiết bị và công nhân khai thác. Hệ thống chiếu sáng được lắp đặt đơn giản bằng các bóng đèn huỳnh quang và sợi đốt thông thường.

1.4.3. Nhu cầu về nước và nguồn cung cấp

*** Nhu cầu cấp nước:**

- Nước sử dụng cho sinh hoạt: Tổng lượng nước sử dụng cho sinh hoạt là khoảng 0,3 m³/ngày phục vụ cho 6 công nhân làm việc tại mỏ.

- Nước sử dụng cho sản xuất: Lượng nước sử dụng cho tưới đường là 2,67m³ (với định mức 0,5L/m² và tần suất là 2 lần/ngày).

***Nguồn cấp nước:**

- Nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt tại mỏ được mua từ Công ty Cổ phần cấp nước Ninh Thuận. Nước sử dụng cho ăn uống được mua nước tinh lọc đóng bình tại các cơ sở gần mỏ.

- Nước sử dụng cho sản xuất: Chủ yếu là nước dùng để tưới đường khi vận chuyển đất san lấp, công ty sẽ vận chuyển nước từ suối Ba Hạng.

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

1.5.1. Trữ lượng mỏ

Theo Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc cho phép trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản tại mỏ đất san lấp Nam núi Mavieck, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, diện tích đã trả lại là 0,5 ha. Diện tích còn lại tiếp tục khai thác là 3,5038 ha; trữ lượng địa chất còn lại tiếp tục khai thác là: 164.578 m³.

1.5.2. Tuổi thọ mỏ

Theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 04/GP-UBND ngày 22/01/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận thời gian hoạt động của mỏ: 9 năm 9 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép khai thác.

1.5.4. Vị trí mở vỉa, trình tự khai thác

a) Vị trí mở vỉa:

Vị trí mở vỉa bắt đầu khai thác từ khu vực phía Đông Nam, nơi có cote thấp nhất; sau đó khai thác dần về hướng Tây Bắc, nhằm tận dụng vị trí và đoạn đường có sẵn trong khu khai thác.

b) Phương pháp mở vỉa:

- Mở vỉa lộ thiên: Do địa hình khu khai thác khá bằng phẳng nên Công ty bố trí mở vỉa theo cote địa hình từ thấp lên cao, tận dụng theo đường vận chuyển có sẵn trong mỏ. Chiều cao hào mở vỉa không quá 1,0 lần chiều cao tối đa của máy xúc. Chiều rộng hào dự kiến 5m bằng 1,0 lần bán kính tối đa của máy xúc.

c) Trình tự khai thác

Mỏ áp dụng hệ thống khai thác theo lớp xiên, xúc chuyển từ mặt địa hình xuống hết tầng sản phẩm. Công trình mỏ được lần lượt phát triển từ hướng Đông Nam khu vực có địa hình thấp lên hướng Tây Bắc ở vị trí cao hơn.

1.5.5. Khối lượng và quy mô các hạng mục công trình

Bảng 1.3. Bảng liệt kê diện tích sử dụng đất của mỏ và hiện trạng sử dụng đất

STT	Hạng mục	ĐVT	Diện tích	Ghi chú
------------	-----------------	------------	------------------	----------------

STT	Hạng mục	ĐVT	Diện tích	Ghi chú
1	Khai trường	ha	3,5038	
2	Khu vực nhà vệ sinh	m ²	2	Nằm trong ranh khu khai thác mỏ.
	Kho chứa chất thải nguy hại	m ²	2	
Tổng		ha	3,5038	

*** Nhà vệ sinh:**

Nhà vệ sinh được bố trí trong ranh khu vực khai thác với diện tích 2m² có bố trí bể tự hoại bên dưới.

*** Kho chứa chất thải nguy hại:**

Bố trí 01 kho chứa chất thải nguy hại nằm trong khu vực khai thác với diện tích 2m²; kết cấu: dài 1m, rộng 2m, kết cấu nền xi măng, tường và mái bằng tôn.

1.5.6. Chế độ làm việc

- Bộ phận hành chính và sửa chữa: Ngày làm việc 01 ca, thời gian làm việc trong 01 ca là 8h, số ngày làm việc trong năm 300 ngày;
- Bộ phận khai thác: Ngày làm việc 01 ca, thời gian làm việc trong 01 ca là 8h, số ngày làm việc trong năm là 300 ngày.

1.5.7. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a. Nội dung Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

Cơ sở đã được phê duyệt phương án cải tạo, Phục hồi môi trường theo Quyết định số 2113/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc Phê duyệt phương án cải tạo phục hồi môi trường Dự án xây dựng công trình khai thác đất san lấp Nam núi Mavieck, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sao Sớm như sau:

- Khu vực khai trường:
 - + Đối với phần diện tích đáy moong (14.766 m²) phía Đông sau kết thúc khai thác có độ cao dưới 67,04m cải tạo làm hồ chứa nước;
 - + Đối với phần diện tích đáy moong (20.345 m²) phía Tây sau khi kết thúc khai thác có độ cao trên 67,04m tiến hành san gạt lớp đất phủ dày 0,5m và trồng cây neem trên toàn bộ diện tích này.
 - + Làm hệ thống lưu thông nước trong khu vực khai trường với khu vực bên ngoài.
- Khu vực xung quanh khai trường:
 - + Lắp đặt biển báo nguy hiểm và làm hàng rào bằng cây xương rồng với líp

trồng rộng 1,0m xung quanh moong khai thác.

+ San gạt tạo mặt bằng rãnh thoát nước dài 146,5m nằm phía Tây Bắc mỏ.

Tại thời điểm hiện tại, Công ty đã thực hiện công tác đóng cửa mỏ phần diện tích 0,5ha. Các công tác phục hồi môi trường đã thực hiện và đã được UBND tỉnh Ninh Thuận xác nhận tại Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của UBND tỉnh Ninh Thuận, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sao Sớm đã hoàn thành cải tạo, phục hồi môi trường đối với các nội dung sau:

+ San gạt mặt bằng tạo rãnh thoát nước dài 146,5m tại khu vực phía Tây Bắc mỏ với chiều rộng trên mặt 2,0m; rộng đáy 1,0m; tổng khối lượng đào là 219,75m³.

+ Trồng cây xương rồng xung quanh diện tích moong khai thác đối với diện tích 0,5ha đã khai thác hết trữ lượng, số lượng 153 cây.

+ Lắp đặt biển báo xung quanh moong khai thác đối với diện tích 0,5ha đã khai thác hết trữ lượng, số lượng biển báo 02 biển báo.

b. Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

Theo Quyết định số 2113/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận Quyết định phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án khai thác đất san lấp Nam núi Mavieck, thôn Sơn Hải 1, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sao Sớm, kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường của mỏ như sau:

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường: 241.491.000 đồng (Hai trăm bốn mươi một triệu, bốn trăm chín mươi một nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: 09 lần.

+ Số tiền đóng ký quỹ lần đầu là 60.372.750 đồng.

+ Số tiền ký quỹ từ lần thứ 2 đến lần thứ 9, mỗi lần với số tiền là: 22.639.781 đồng.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh Ninh Thuận.

(số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2017).

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Cơ sở phù hợp với Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050: Quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1319/QĐ-TTg ngày 10/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

Mỏ đất san lấp Nam núi Mavieck phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định 399/QĐ-UBND ngày 05/07/2022 phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

- Về sự phù hợp với phân vùng môi trường:

Phù hợp với quy định về giới hạn các thông số và nồng độ ô nhiễm chính có trong nước thải. Nước thải tại cơ sở chủ yếu là nước thải sinh hoạt. Nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý sau đó tái sử dụng.

Các công tác bảo vệ môi trường tại cơ sở được thực hiện nghiêm túc theo Kế hoạch bảo vệ môi trường được phê duyệt. Chất thải được kiểm soát, xử lý, giảm thiểu tác động tại nguồn nên không gây ô nhiễm ảnh hưởng lớn tới môi trường.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải phát sinh chủ yếu là nước thải sinh hoạt của công nhân thi công tại công trình. Tuy nhiên, lượng nước thải sinh hoạt tại cơ sở là rất ít, mức độ tác động đến môi trường không đáng kể. Công ty đã xây dựng bể tự hoại 3 ngăn để xử lý nước thải của công nhân làm việc tại mỏ.

- Nước mưa chảy tràn: Loại nước thải này chỉ phát sinh trong mùa mưa khi nước mưa chảy trên khu vực khai trường. Nước mưa chảy tràn cuốn theo nhiều bụi bẩn và chất rắn nên thường có độ đục cao. Tuy nhiên, lượng mưa hàng năm trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận thấp nên nguồn tác động không đáng kể.

- Môi trường không khí: Khi cơ sở vận hành hoạt động chủ yếu phát sinh bụi, CO, SO₂, NO₂, THC, tiếng ồn, độ rung. Do đó, căn cứ theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bảo vệ môi trường.

- QCVN 02/2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng về độ rung.

Chủ đầu tư sẽ tuân thủ, chịu trách nhiệm về công tác đảm bảo môi trường theo các quy chuẩn nêu trên.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Nhằm ngăn không cho nước mưa chảy vào khai trường trong quá trình khai thác tại mỏ, Công ty đã tiến hành đào rãnh phía phía Tây Bắc mỏ (thuộc phần diện tích đã thực hiện đóng cửa mỏ).

- Kích thước rãnh dẫn nước: chiều rộng trên mặt 2,0 m; rộng đáy 1,0 m; sâu 1,0 m, dài 146,5m.

- Kết cấu: Mương được đắp bằng đất.

Địa hình khu vực khai thác thấp nhất ở phía Đông Nam – tại điểm số 3. Hiện toàn bộ khu vực khai thác chưa ngập nước. Cách khu khai thác về hướng Đông Nam có 1 con suối chảy qua. Khi đáy moong ngập nước, Công ty sẽ đặt một máy bơm tại điểm số 3 để bơm nước ra con suối phía Đông Nam khu mỏ.

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải sinh hoạt

** Công trình thu gom nước thải sinh hoạt:*

- Hiện nay mỏ đã có nhà vệ sinh để phục vụ nhân viên, công nhân sinh hoạt. Tổng số lao động tại mỏ thực tế là 6 người hoạt động thường xuyên.

+ Diện tích khu nhà vệ sinh: 2m².

+ Kết cấu: Công ty xây dựng 01 nhà vệ sinh với diện tích 2m² được đặt trong ranh khu khai thác và bố trí bể tự hoại xử lý.

- Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được thu gom xử lý bằng bể tự hoại xây cạnh vực nhà vệ sinh.

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau xử lý được thu gom vào 01 hố thu bố trí cạnh khu vực bể tự hoại.

+ Kích thước hố thu: kích thước (0,8x0,8x1) m.

** Công trình thoát nước thải sinh hoạt:*

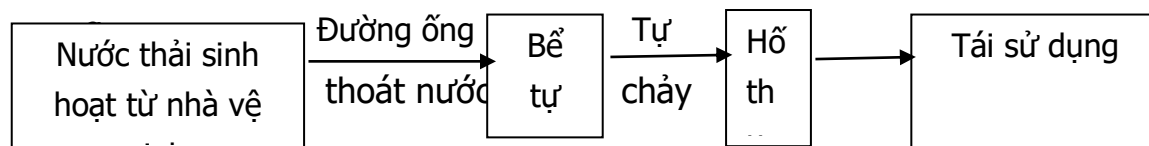
- Lượng nước trong hố thu sẽ được Công ty tận dụng lại để tái sử dụng phục vụ các hoạt động khác trong khuôn viên mỏ (chủ yếu dùng để tưới đường) không xả thải ra môi trường.

- Điểm xả nước thải sinh hoạt sau xử lý: hố thu đặt sau khu vực bể tự hoại. Tọa độ vị trí xả thải X (m) =1265 037,3; Y (m) =580 166,8 (hệ VN 2000, kinh tuyến trực 108°15', múi chiều 3°), nằm trong ranh khu vực mỏ.

- Đánh giá sự đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý qua bể tự hoại đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT (cột B), được thu gom, lưu chứa và tận dụng để phục vụ các hoạt động khác trong khuôn viên mỏ, không xả thải ra môi trường.

- Nguồn tiếp nhận nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt sau xử lý được thu gom, lưu chứa tại hố thu được bố trí cạnh bể tự hoại. Lượng nước tại hố thu nước này sẽ được tận dụng không xả thải trực tiếp ra môi trường.

- Sơ đồ thu gom xử lý nước thải khu sinh hoạt tại mỏ như sau:



Hình 3.1. Sơ đồ công nghệ khai thác

Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng $0,3\text{m}^3/\text{ng.đ}$ được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn.

Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được đưa trực tiếp xuống bể tự hoại 3 ngăn để thu gom và xử lý đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) trước khi đưa về hố thu để tận dụng phục vụ cho hoạt động trong khuôn viên mỏ, cam kết không thải ra ngoài môi trường.

3.1.3. Xử lý nước thải

Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày tối đa khoảng $0,3\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$

được thu gom và xử lý bằng 01 bể tự hoại 3. Kết cấu bể xây bằng gạch, gạch đặc mác 75, vữa xi măng cát vàng M75. Mặt ngoài và mặt trong của bể được trát vữa xi măng cát vàng mác 75, dày 20mm, có trát lớp xi măng nguyên chất để chống thấm cho toàn bộ bể.

- Nguyên lý làm việc bể tự hoại 3 ngăn:

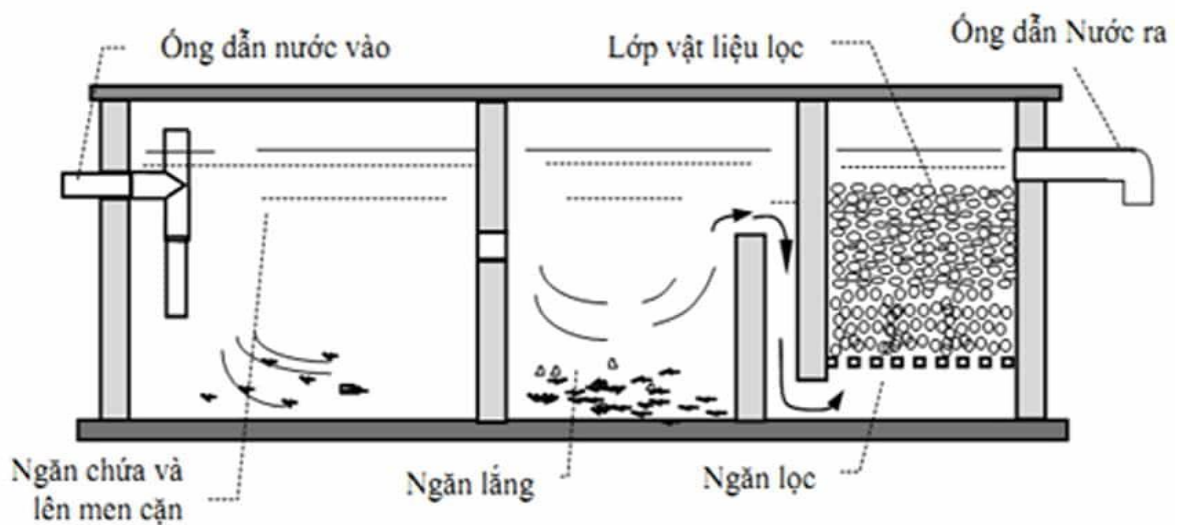
Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được đưa trực tiếp xuống bể tự hoại 3 ngăn để thực hiện quá trình xử lý sơ bộ bằng cách lắng cặn và phân hủy cặn lắng. Bể tự hoại 3 ngăn với tổng dung tích là $1,2\text{m}^3$ gồm: 1 ngăn chứa, 1 ngăn lắng và 1 ngăn lọc.

+ Ngăn chứa: Nước thải được đưa vào ngăn chứa, có vai trò làm bể chứa nước - lên men kỵ khí, đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải. Kích thước: $0,8 \times 0,6 \times 1,5(\text{m})$;

+ Ngăn lắng: Nước thải chảy qua bể lắng theo chiều chuyển động từ dưới lên trên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể trong điều kiện các chất hữu cơ được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hóa.

Kích thước: 0,6x0,6x1,5(m);

+ Ngăn lọc: Có tác dụng làm sạch bổ sung nước thải, nhờ các vi sinh vật kỵ khí, gắn bám trên bề mặt các hạt của lớp vật liệu lọc và ngăn cản lơ lửng trôi ra theo nước. Lớp vật liệu lọc bao gồm 3 lớp: lớp sạn 1cm x 3cm, lớp cát vàng, lớp đá 4cm x 6cm. Bên trên lớp vật liệu có đặt máng nước tràn bằng bê tông để nước từ bể lắng được tràn đều trên bề mặt lớp lọc. **Kích thước: 0,6x0,6x1,5(m).**



Hình 3.2. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải sinh hoạt

3.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải, tiếng ồn và độ rung

3.2.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải tại khu vực moong khai thác

Trong quá trình khai thác Công ty đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu bụi như:

- Trong hoạt động bóc phủ, Công ty thực hiện bóc phủ tới đâu mới phá bỏ thực vật tới đó. Tận dụng, giữ lại hệ thống cây xanh dọc biên giới mở để giảm thiểu lượng bụi phát tán ra bên ngoài.

- Trong hoạt động xúc bốc, Công ty quy định các xe chở đúng tải trọng, tránh trường hợp chở quá tải trọng làm rơi vãi đất thải và phát sinh bụi.

3.2.2. Giảm thiểu bụi trên tuyến đường vận chuyển

- Công ty bố trí 01 xe bồn dung tích 5m³ để phun tưới nước dọc theo tuyến đường vận chuyển trong và ngoài mỏ.

- Quy định xe vận chuyển phải có thùng kín, có bạt che nhằm tránh cát rơi vãi, bụi theo gió bốc lên cao theo gió ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Thường xuyên duy tu, sửa chữa tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ để làm giảm lượng bụi phát sinh bốc lên cao theo gió ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

3.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Cơ sở khai thác có sử dụng máy móc thiết bị thi công gây ồn như: máy xúc, các phương tiện vận chuyển, xe bồn... nên ảnh hưởng của tiếng ồn là không thể tránh khỏi. Tuy nhiên, để giảm thiểu các tác động này đến người dân xung quanh chủ cơ sở đưa ra các giải pháp sau:

- Xe cơ sở, các thiết bị thi công phải qua kiểm tra về độ ồn, độ rung, đảm bảo quy chuẩn về an toàn kỹ thuật và môi trường.

- Chỉ vận hành các thiết bị bảo dưỡng tốt ngoài hiện trường. Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn không cần thiết. Có sự thay đổi ca lao động cho các công nhân làm việc ở khu vực có tiếng ồn.

- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng (tra dầu mỡ tại các bộ phận tiếp xúc gây ồn) các thiết bị thi công và kiểm định kỹ thuật theo đúng định kỳ quy định của Nhà nước.

- Trang bị bảo hộ lao động, thiết bị chống ồn cho công nhân thường xuyên làm việc tại những nơi ồn cao,...

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.3.1. Các công trình, biện pháp xử lý chất thải rắn sinh hoạt

- Khối lượng: Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở khoảng 3kg/ngày tương đương 900 kg/năm.

- Công trình, biện pháp thu gom, xử lý:

Công ty đã thực hiện tổ chức thu gom, phân loại theo hướng dẫn kỹ thuật phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại Văn bản số 9368/BTNMT – KSONMT của Bộ tài nguyên và Môi trường ngày 02/11/2023 và Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 01/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Quy định về quản lý chất thải và thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ hoạt động quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Công ty đã bố trí 01 thùng phuy trong khu vực khai thác để lưu chứa rác thải sinh hoạt. Cuối ngày, công nhân tại mỏ sẽ thu gom và vận chuyển đến điểm

tập trung rác của xã Phước Dinh cho đội vệ sinh của địa phương vận chuyển đi xử lý.

3.3.2. Các công trình, biện pháp xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

Cơ sở đầu tư khu khai thác đất san lấp Nam núi Mavieck không phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

3.4.1. Công trình, biện pháp lưu giữ tạm CTNH

- Chủ cơ sở đã xây dựng nhà kho chứa chất thải nguy hại với diện tích 2m² được bố trí trong khu vực khai thác.

+ Kết cấu: nền xi măng, tường và mái bằng tole.

+ Diện tích: 2m².

- Tại nhà chứa chất thải nguy hại bố trí 03 thùng phuy để thu gom chất thải nguy hại bao gồm dầu nhớt, thùng chứa giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn,...



Hình 3.3. Kho chứa CTNH tại cơ sở

- Tất cả CTNH phát sinh tại mỏ được thu gom, phân loại và lưu giữ theo đúng quy định.

- Theo định kỳ Công ty thống kê khối lượng từng loại CTNH phát sinh.

Thống kê khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại mỏ năm 2023:

Bảng 3.1. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại mỏ năm 2023

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng phát sinh (kg/năm)
1	Giẻ lau dính dầu mỡ	18 02 01	Rắn	20
Tổng				20

(Nguồn: Chứng từ Chất thải nguy hại số 4221/2023/1-2-3-4-5-6.089.VX)

Trên cơ sở loại hình hoạt động mỏ và khối lượng CTNH phát sinh thực tế, công ty đề xuất khối lượng, chủng loại phải kiểm soát phát sinh thường xuyên tại cơ sở như sau:

Bảng 3.2. Danh mục chất thải nguy hại phát sinh đề nghị cấp phép

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý
Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	160106	2	Phá dỡ - HR
Pin, ắc quy thải	190601	3	Phá dỡ - Tẩy rửa – TC
Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	170203	60	TC
Giẻ lau dính dầu mỡ	180201	30	Cắt nhỏ - Phối trộn - TĐ - HR
Tổng khối lượng		95	

3.4.2. Các biện pháp xử lý chất thải nguy hại

Toàn bộ CTNH sẽ được thu gom, tồn trữ trong kho chứa chất thải tạm thời có diện tích 2m² nền xi măng, tường và mái bằng tôn được đặt cạnh khu vực văn phòng nằm trên phần đất của Công ty. Trong năm 2024, Công ty đã ký hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với Công ty TNHH Thương mại và Môi trường An Sinh theo hợp đồng kinh tế số 40-NT/HĐ-ASNTB/2024 (Đính kèm hợp đồng tại phụ lục báo cáo). Công ty cam kết sẽ tiếp tục ký hợp đồng thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại với đơn vị chức năng có đủ điều kiện và giấy phép hành nghề trong công tác vận chuyển, thu gom, xử lý chất thải nguy hại.

3.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi cơ sở đi vào vận hành

3.5.1. Phòng ngừa sự cố cháy nổ, sét đánh

Để phòng chống khả năng cháy nổ, sét đánh, Công ty áp dụng các biện pháp sau:

- Tất cả các CBCNV phải được tập huấn công tác phòng cháy, nổ theo đúng kỹ thuật an toàn lao động cháy, nổ hiện hành ...

- Các biện pháp quản lý:
 - + Tổ chức tốt công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH, nâng cao nhận thức và trách nhiệm cho người lao động về nguyên nhân, điều kiện, tác hại của cháy, nổ, sự cố tai nạn.
 - + Tổ chức huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy cho lực lượng PCCC cơ sở và những người làm việc trong môi trường nguy hiểm cháy, nổ theo quy định của Luật PCCC.
 - + Tăng cường kiểm tra các điều kiện về an toàn PCCC theo quy định của pháp luật, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm.
 - + Quản lý chặt chẽ và sử dụng an toàn các chất cháy, chất nổ, nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị và dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt, chất sinh lửa, sinh nhiệt; đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng cháy; thường xuyên, định kỳ kiểm tra phát hiện các sơ hở, thiếu sót về phòng cháy và có biện pháp khắc phục kịp thời.
- Về biện pháp kỹ thuật:
 - + Niêm yết nội quy, quy định về PCCC và các biển cấm, biển cảnh báo nguy hiểm.
 - + Trang bị đầy đủ phương tiện chữa cháy ban đầu như bình chữa cháy.
 - Để phòng ngừa sự cố sét đánh: Chủ đầu tư nắm bắt chế độ thời tiết trong quá trình thi công, trước mỗi thời điểm có dông sẽ dừng các hoạt động thi công, vận hành các máy móc thiết bị, tổ chức thu dọn sạch khu vực thi công.

3.5.2. Biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác

Để đảm bảo an toàn lao động của công nhân trong quá trình khai thác, chủ cơ sở sẽ có những biện pháp sau:

- Bố trí hợp lý đường vận chuyển và đi lại.
- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về quản lý an toàn lao động, vấn đề bố trí máy móc thiết bị, biện pháp phòng ngừa tai nạn điện,...
- Công nhân trực tiếp vận hành máy phải được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách khi có sự cố và luôn luôn có mặt tại vị trí của mình, thao tác và kiểm tra, vận hành đúng kỹ thuật.
- Công nhân phải trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động như: quần áo bảo hộ lao động, mũ, găng tay, ủng,...
- Duy trì lối sống lành mạnh, các tập tục văn hóa truyền thống của cư dân địa phương.

3.5.3. Biện pháp giảm thiểu sự cố sạt lở bờ moong

Theo báo cáo kinh tế - kỹ thuật thì khai thác sẽ để lại góc bờ dừng trong đất là 45^0 . Công ty cam kết sẽ khai thác theo đúng thiết kế nhằm tránh sạt lở bờ moong trong suốt quá trình khai thác.

3.6. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

*** Biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường đất, cảnh quan hệ sinh thái**

- Khai thác theo đúng trình tự khai thác, lượng đất được làm tươi phải thu gom theo đúng quy định để tránh rửa trôi, cuốn theo nước mưa chảy tràn.

- Quản lý chặt chẽ chất thải nguy hại như: dầu, mỡ,... để tránh rơi vãi ảnh hưởng tới môi trường đất.

- Trong quá trình khai thác, khai thác đến đâu phát quang đến đó để đảm bảo cảnh quang khu vực, hạn chế rửa trôi đất do nước mưa chảy tràn. Bảo vệ môi trường đất an toàn tránh sạt lở.

3.7. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có)

3.7.1. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

Phương án cải tạo phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 2113/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận về Phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án xây dựng công trình khai thác đất san lấp Nam núi Mavieck xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sao Sớm, theo đó cơ sở giữ nguyên phương án đã được phê duyệt như sau:

3.7.1.1. Khu vực khai trường

Làm hồ sinh thái trong phần diện tích đáy moong $< 67,04\text{m}$ (diện tích là: 14.766m^2), san gạt phần diện tích moong còn lại (20.345m^2) với chiều dày lớp đất phủ là $0,50\text{m}$ và trồng cây neem trên toàn bộ diện tích này, đặt ống nhựa PVC tại điểm góc số 3 để lưu thông nước ra suối Ba Họng.

3.7.1.2. Khu vực xung quanh khai trường

- Lắp đặt 7 biển báo cấm và làm hàng rào bằng xương rồng với lip trồng rộng $1,0\text{m}$ xung quanh khu khai thác.

- San gạt tạo mặt bằng rãnh thoát nước dài 146,5m nằm ở phía Tây Bắc mỏ.

- Không xây dựng bờ kè và cải tạo bờ moong giạt cấp.

- Không xây dựng đê xung quanh moong.

3.7.1.3. Khu vực đường vận chuyển

+ Đoạn 1: Từ biên giới mỏ ra đến đường Văn Lâm – Sơn Hải: Là đường dân sinh hiện hữu. Chủ đầu tư đã làm con đường đất dài 477m rộng 5-6m. Trong quá trình khai thác sẽ tiến hành duy tu, sửa chữa theo định kì. Sau khi kết thúc khai thác, Công ty sẽ để lại đoạn đường này để phục vụ cho việc trồng trọt, chăn nuôi trong vùng nên sẽ không thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường với đoạn đường này.

+ Đoạn 2: Đoạn đường nội bộ trong mỏ. Do khu vực khai thác có địa hình khá bằng phẳng Chủ đầu tư sẽ vận chuyển trên nền đất tự nhiên của mỏ. Vì vậy không phải làm đường nội mỏ. Được khai thác theo dạng cuốn chiếu cho nên sau khi kết thúc khai thác, các đoạn đường này sẽ không còn nữa nên sẽ không cải tạo, phục hồi môi trường đối với đoạn đường này.

- **Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường:** 241.491.000 đồng (Hai trăm bốn mươi một triệu, bốn trăm chín mươi một nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: 09 lần.

+ Số tiền đóng ký quỹ lần đầu là **60.372.750** đồng.

+ Số tiền ký quỹ từ lần thứ 2 đến lần thứ 9, mỗi lần với số tiền là: 22.639.781đồng.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh Ninh Thuận.

(số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2017).

Hiện Công ty đã thực hiện ký quỹ đến lần thứ 8. Số lần ký quỹ còn lại là 1 lần.

3.7.2. Kế hoạch thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường

Bảng 3.3. Kế hoạch thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường

STT	Hoạt động	Thời gian thực hiện	Cơ quan giám sát	Cơ quan thực hiện
1	San gạt phần diện tích 20.345 m ² đáy moong khu khai thác	20 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận	Chủ cơ sở
2	Trồng cây neem phần diện tích 20.345 m ² đáy moong khu khai thác	25 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận	Chủ cơ sở
3	San gạt tạo mặt bằng rãnh thoát nước	6 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận	Chủ cơ sở
4	Đặt ống nhựa PVC tại điểm góc số 3 để lưu thông nước ra con suối Ba Họng	7 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận	Chủ cơ sở
5	Làm biển báo quanh khu khai thác	7 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận	Chủ cơ sở
6	Trồng xương rồng xung quanh khu khai thác	25 ngày	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận	Chủ cơ sở

(Nguồn: Báo cáo Phương án cải tạo, phục hồi môi trường "Dự án xây dựng công trình khai thác đất san lấp Nam núi Mavieck")

3.7.3. Tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường

Công ty đã thực hiện công tác đóng cửa mỏ phần diện tích 0,5ha và đã được UBND tỉnh Ninh Thuận xác nhận tại Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của UBND tỉnh Ninh Thuận, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sao Sớm đã hoàn thành cải tạo, phục hồi môi trường đối với các nội dung sau:

+ San gạt mặt bằng tạo rãnh thoát nước dài 146,5m tại khu vực phía Tây Bắc mỏ với chiều rộng trên mặt 2,0m; rộng đáy 1,0m; tổng khối lượng đào là 219,75m³.

+ Trồng cây xương rồng xung quanh diện tích moong khai thác đối với diện tích 0,5ha đã khai thác hết trữ lượng, số lượng 153 cây.

+ Lắp đặt biển báo xung quanh moong khai thác đối với diện tích 0,5ha đã khai thác hết trữ lượng, số lượng biển báo 02 biển báo.

3.7.4. Kế hoạch thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường sau khi cấp Giấy phép môi trường

Tiếp tục thực hiện theo Kế hoạch thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã phê duyệt tại Quyết định 2113/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ninh Thuận ngày 01/11/2017. Theo đó, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường Công ty tiếp tục thực hiện như sau:

Bảng 3.4. Khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường Công ty tiếp tục thực hiện

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng theo Phương án PHMT đã duyệt	Khối lượng đã thực hiện và đã được xác nhận tại QĐ số 20/QĐ-UBND	Khối lượng còn lại chưa tiếp tục triển khai
1	San gạt phần diện tích 20.345m ² đáy moong khu khai thác	m ³	10.172,5	Chưa thực hiện	10.172,5
2	Trồng cây neem phần diện tích 20. 345m ² đáy moong khu khai thác	Cây	2.238	Chưa thực hiện	2.238
3	San gạt tạo mặt bằng rãnh thoát nước	m ³	219,75	219,75	0
4	Đặt ống nhựa PVC tại điểm góc số 3 để lưu thông nước ra con suối Ba Họng	m	32	Chưa thực hiện	32
5	Làm biển báo quanh khu khai thác	Biển báo	7	2	5
6	Trồng xương rồng bao quanh khu khai thác	Cây	802	153	649

3.8. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp

Cơ sở đã được UBND tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy xác nhận số 3084/GXN-STNMT ngày 21/07/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận xác nhận Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sao Sớm đã đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án xây dựng công trình khai thác đất san lấp Nam núi Mavieck tại thôn Sơn Hải 1, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

Tuy nhiên, trong hoạt động thực tế có sai khác so với nội dung tại kế hoạch bảo vệ môi trường. Cụ thể như sau:

Bảng 3.5. Nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Kế hoạch BVMT

STT	Nội dung thay đổi	Theo kế hoạch BVMT đã phê duyệt tại Giấy xác nhận số 3084/GXN-STNMT	Theo hồ sơ xin cấp phép môi trường	Đánh giá tác động từ việc thay đổi
1	Diện tích khai thác	Tổng diện tích khu vực khai thác là 4,0038 ha.	Tổng diện tích khu vực khai thác là 3,5038 ha.	Công ty đã trả lại một phần diện tích là 0,5 ha tại Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 29/12/2022. Theo đó diện tích khai thác còn lại của Cơ sở giảm diện tích khai thác so với GXN đã được xác nhận -> Giảm tác động xấu đến môi trường.
2	Công trình xử lý nước thải sinh hoạt	Thu gom xử lý bằng 01 bể tự hoại 3 ngăn tại khu văn phòng sau đó thẩm rút.	Nước thải sinh hoạt sau xử lý tại bể tự hoại 3 ngăn được dẫn về hố thu có kích thước (1,5x1,5x1,5)m được xây tại khu vực khai thác bằng bê tông cốt thép, nước từ hố thu được tận dụng cho hoạt động của cơ sở.	- Thay đổi vị trí so với KHBVMT để phù hợp với chủ trương đầu tư. - Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn được thu gom về hố thu và tái sử dụng cho mục đích tưới đường, không xả thải/thấm ra ngoài môi trường ☑ đảm bảo theo quy định của Luật tài nguyên nước..
3	Kho chứa CTNH	Xây dựng kho chứa CTNH có diện tích 10m ² nền xi măng, tường và mái bằng tôn.	Xây dựng kho chứa CTNH với diện tích 2m ² trong khu vực khai thác. Kết cấu: nền xi măng, tường và mái bằng tole.	- Vị trí của kho CTNH thay đổi so với KHBVMT, phù hợp với chủ trương đầu tư. - Do lượng chất thải nguy hại tại cơ sở thực tế phát sinh không nhiều, Công ty bố trí lại cho phù hợp nhưng vẫn đảm bảo thu gom toàn bộ lượng CTNH phát sinh tại mỏ.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- **Nguồn phát sinh nước thải:** nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của công nhân.

- **Lưu lượng nước thải sinh hoạt:** 0,3 m³/ngày.đêm; tương đương 0,01 m³/giờ.

- **Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận:** Trong quá trình hoạt động, cơ sở có nguồn phát sinh nước thải (nước thải sinh hoạt) nhưng không phát sinh dòng thải. Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý qua bồn tự hoại đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT (cột B), được tận dụng phục vụ các hoạt động khác trong khuôn viên mỏ.

- **Các chất ô nhiễm và giới hạn cho phép:**

Bảng 4.1. Các thông số ô nhiễm

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo cột B của QCVN 14:2008/BTNMT
1	pH	-	5 - 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	Tổng chất rắn hoà tan	mg/l	1.000
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4.0
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
9	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000

- **Vị trí xả nước thải:** hố thu đặt sau khu vực bể tự hoại. Tọa độ vị trí xả thải X (m) =1265 037,3; Y (m) =580 166,8 (hệ VN 2000, kinh tuyến trực 108°15', múi chiều 3°), nằm trong khu vực khai thác.

- **Chế độ xả nước thải:** trong thời gian làm việc của mỏ (8 giờ).

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

- **Nguồn phát sinh khí thải:** Bụi, khí thải tại cơ sở phát sinh chủ yếu từ quá trình khai thác (xúc bốc) và vận chuyển khoáng sản. Đây là nguồn phát sinh không phải là nguồn điểm nên không xác định được lưu lượng chính xác.

- **Vị trí xả khí thải:** Trong phạm vi của khu vực khai thác của mỏ, có tọa độ ranh giới như sau:

Bảng 4.2. Tọa độ cấp phép khí thải từ quá trình khai thác tại mỏ

Điểm góc	Tọa độ		Điểm góc	Tọa độ	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
1	1265263	580099	D	1265156	580018
2	1265176	580258	C	1265182	580079
3	1265087	580269	B	1265232	580079
4	1265011	580152	A	1565243	580062

- **Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất:** Khi máy móc, thiết bị của quá trình hoạt động khai thác và từ việc xúc bốc, vận chuyển khối lượng vật liệu san lấp cùng hoạt động.

- **Phương thức xả khí thải:** Không liên tục và chỉ phát sinh khi có hoạt động khai thác và xúc bốc, vận chuyển khối lượng vật liệu san lấp.

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, cụ thể như sau:

Bảng 4.3. Thông số ô nhiễm và giới hạn cho phép đối với môi trường không khí xung quanh

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 05:2023/BTNMT
1	TSP	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	300
2	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	200
3	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	350
4	CO	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	30.00

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

- **Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:** Tiếng ồn, độ rung tại cơ sở phát sinh chủ yếu từ quá trình khai thác (xúc bốc) và vận chuyển khoáng sản.

- **Vị trí phát sinh:** Trong phạm vi của khu vực khai thác của cơ sở, có tọa độ ranh giới như sau:

Bảng 4.4. Tọa độ cấp phép tiếng ồn, độ rung từ quá trình khai thác tại mỏ

Điểm góc	Tọa độ		Điểm góc	Tọa độ	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
1	1265263	580099	D	1265156	580018
2	1265176	580258	C	1265182	580079
3	1265087	580269	B	1265232	580079
4	1265011	580152	A	1565243	580062

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung tại khu mỏ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN

26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

Bảng 4.5. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn

STT	Giá trị giới hạn (dBA)		Ghi chú
	Từ 6 – 21 giờ	Từ 21 – 6 giờ	
1	70	55	Khu vực thông thường

Bảng 4.6. Giá trị giới hạn đối với độ rung

STT	Giá trị giới hạn (dBA)		Ghi chú
	Từ 6 – 21 giờ	Từ 21 – 6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

4.4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại

Cơ sở đầu tư khu khai thác đất san lấp Nam núi Mavieck, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận không thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại.

4.5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở đầu tư có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất

Cơ sở đầu tư khu khai thác đất san lấp Nam núi Mavieck, xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận không có hoạt động nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc định kì đối với bụi, khí thải, tiếng ồn

Cơ sở đầu tư khu khai thác đất san lấp Nam núi Mavieck thực hiện chương trình GSMT đối với bụi, khí thải định kỳ theo đúng quy định với tần suất 2 lần/năm. Các báo cáo được lưu giữ tại Công ty và nộp về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận. Dưới đây là bảng tổng hợp các kết quả giám sát môi trường không khí trong phạm vi mỏ trong 2 năm gần nhất tại cơ sở:

a. Kết quả giám sát môi trường không khí năm 2022

- Ngày lấy mẫu:
- + Lần 1: Ngày 24/02/2022.
- + Lần 2: Ngày 16/08/2022.
- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc:

Bảng 5.1. Thống kê vị trí điểm quan trắc

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				X	Y	
1	Điểm quan trắc 1	KX.02452	24/02/2021	1265 015	580 160	Đường vận chuyển của cơ sở
		KX.081601	16/08/2021	1265 015	580 160	

Kết quả qua trắc được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 5.2. Kết quả quan trắc

TT	Ký hiệu điểm quan trắc	Ký hiệu mẫu	Nhóm thông số vô cơ	Nhóm thông số khác
			Bụi	Tiếng ồn
			(µg/m³)	(dBA)
I	Quan trắc ngày: 24/02/2022			
	KX.02452	KX	157,2	60,3
II	Quan trắc ngày: 16/08/2022			
	KX.081601	KX	190,2	61,8
QCVN 26:2010			-	≤70
QCVN 05:2013/BYT			300	-

- Kết luận:

Dựa vào kết quả phân tích ta thấy các chỉ tiêu phân tích không khí tại Đường vận chuyển của mỏ đều đạt ngưỡng quy chuẩn cho phép.

+ Độ ồn: Nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ Bụi: Nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

b. Kết quả giám sát môi trường không khí năm 2023:

- Thời gian quan trắc:

+ Đợt 1: ngày 24/02/2023.

+ Đợt 2: ngày 20/09/2023.

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc:

Bảng 5.3. Thống kê vị trí điểm quan trắc

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				X	Y	
1	Điểm quan trắc 1	KX.022405	24/02/2023	1265 015	580 160	Đường vận chuyển của mỏ
		KX.092034	20/9/2023	1265 015	580 160	

- Nhận xét, đánh giá kết quả quan trắc:

Kết quả qua trắc được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 5.4. Kết quả quan trắc môi trường không khí năm 2023

TTT	Ký hiệu điểm quan trắc	Ký hiệu mẫu	Nhóm thông số vô cơ	Nhóm thông số khác
			Bụi	Tiếng ồn
			(µg/m³)	(dBA)
I	Quan trắc ngày: 24/02/2023			
1	KX.02452	KX	165	62,3
QCVN 26:2010/BTNMT			-	≤70
QCVN 05:2013/BTNMT			300	-
II	Quan trắc ngày: 20/09/2023			
1	KX.081601	KX	171	64,5
QCVN 26:2010/BTNMT			-	≤70
QCVN 05:2023/BTNMT			300	-

- *Kết luận:*

Dựa vào kết quả phân tích ta thấy các chỉ tiêu phân tích không khí tại Đường vận chuyển của cơ sở đều đạt ngưỡng quy chuẩn cho phép.

+ Độ ồn: Nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ Bụi: Nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (đối với mẫu quan trắc ngày 24/02/2023) và QCVN 05:2023/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (đối với mẫu quan trắc ngày 20/09/2023).

5.2. Kết quả quan trắc định kì đối với nước thải

Tại cơ sở không phát sinh nước thải ra môi trường nên cơ sở không thực hiện quan trắc môi trường đối với nước thải tại cơ sở.

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Theo khoản 6 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì cơ sở đầu tư khu khai thác đất san lấp Nam núi Mavieck không thuộc đối tượng quy định tại Cột 3 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Do đó, thời gian vận hành thử nghiệm do chủ đầu tư quyết định, tự chịu trách nhiệm nhưng không quá 06 tháng và việc quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở khai thác là quan trắc 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định:

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Khoảng thời gian từ 17/02/2025 đến ngày 17/03/2025. Công suất vận hành thử nghiệm: Đạt 100% công suất thiết kế.

Bảng 6.1. Danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm của cơ sở

STT	Công trình bảo vệ môi trường	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được
1	Bể tự hoại	17/02/2025	17/03/2025	100%

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải

a. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến các loại mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường hoặc thải ra ngoài phạm vi của công trình, thiết bị xử lý

Bảng 6.2. Thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải

STT	Công trình bảo vệ môi trường	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Ghi chú
1	Bể tự hoại	17/02/2025	17/03/2025	Lấy mẫu quan trắc 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định.

b. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải; thời gian, tần suất lấy mẫu phải thực hiện theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định

- Thời gian thực hiện: 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần.
- Lấy mẫu đánh giá trong giai đoạn vận hành ổn định:

Bảng 6.3. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải trong giai đoạn vận hành ổn định

STT	Thời gian lấy mẫu	Vị trí lấy mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Tần suất
1	10/03/2025	1 điểm tại hồ thu nước sau bể tự hoại	pH, BOD ₅ (20°C), Tổng chất rắn hòa tan (TDS), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), Photphat (PO_4^{3-} tính theo P), Sunfua (tính theo H ₂ S), Dầu mỡ động, thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Tổng Coliform.	- Tần suất lấy mẫu đánh giá hiệu quả của toàn hệ thống: 03 ngày. 1 ngày/1đợt. Tổng số đợt mẫu cần lấy 03 đợt - Quy chuẩn so sánh: cột B, QCVN 14:2008/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt
2	11/03/2025			
3	12/03/2025			

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch:

** Đơn vị 1:*

- Tên đơn vị: Công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh;
- Địa chỉ: Số 528/5A Vườn Lài, Khu phố 2, Phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đơn vị đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm số 241/TN-QTMT ngày 30/3/2023 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp;
- Đơn vị đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (mã số VIMCERTS 241) được Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận tại Quyết định số 608/QĐ-BTNMT ngày 30/03/2022.

** Đơn vị 2:*

- Tên đơn vị: Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3;
- Địa chỉ: Số 49 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đơn vị đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (mã số VIMCERTS 078) được Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận tại Quyết định số 329/QĐ-BTNMT ngày 22/02/2022.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ chất thải

Quá trình hoạt động của cơ sở không phát sinh nước thải sản xuất; nước thải sinh hoạt phát sinh với lưu lượng ít, được thu gom xử lý bằng bể tự hoại, không xả thải ra môi trường. Không thuộc đối tượng có "mức lưu lượng xả thải trung bình của dự án, cơ sở thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường từ 200m³/ngày đêm đến dưới 500m³/ngày đêm (24 giờ); mức lưu lượng xả thải lớn từ 500m³/ngày (24 giờ) trở lên. Do đó, cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động, liên tục và định kỳ theo quy định tại khoản 2, Điều 97 và phụ lục số XXVIII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

6.2.2. Chương trình quan trắc môi trường tự động, liên tục chất thải

- Căn cứ quy định tại Điều 97 và phụ lục số XXVIII của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường thì Mỏ đất san lấp Nam núi Mavieck không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục.

- Căn cứ quy định tại Điều 98 và phụ lục số XXIX của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường thì Mỏ đất san lấp Nam núi Mavieck không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục.

6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của Chủ cơ sở

Chủ cơ sở sẽ giám sát các công tác về biện pháp giảm thiểu tác động đến dân cư; giám sát về việc thu gom, lưu trữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý chất thải rắn của cơ sở.

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Cơ sở không thuộc đối tượng giám sát môi trường định kỳ hằng năm do đó Chủ cơ sở không thực hiện mục này trong Báo cáo.

Chương VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong thời gian 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo này, cơ sở đầu tư khu khai thác đất san lấp Nam núi Mavieck xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sao Sớm không có đoàn kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường.

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

8.1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác của các số liệu thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Nếu có sai trái gì chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

8.2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan

Cam kết đảm bảo việc xử lý chất thải của cơ sở đáp ứng các tiêu chuẩn và quy chuẩn môi trường Việt Nam trong quá trình hoạt động của cơ sở bao gồm:

- Nước thải sinh hoạt sau xử lý bề tự hoại đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, tái sử dụng tưới cây trong khuôn viên mỏ;

- Chất thải rắn, chất thải nguy hại: thu gom, phân loại và lưu giữ tạm để hợp đồng với đơn vị có chức năng đến tiếp nhận xử lý, bảo đảm tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

Cam kết thực hiện tất cả các biện pháp, quy định chung về bảo vệ môi trường Chủ cơ sở cam kết đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp khống chế, giảm thiểu ô nhiễm do bụi sinh ra trong quá trình khai thác;

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt được Chủ cơ sở thuê đơn vị có chức năng hút và xử lý theo đúng quy định, không thải ra môi trường;

- Thực hiện đầy đủ, đúng các nội dung trong giấy phép môi trường được phê duyệt;

- Thực hiện các biện pháp kiểm soát, xử lý giảm thiểu tác động do bụi, khí thải trong quá trình hoạt động của cơ sở;

- Thực hiện các biện pháp thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định của nhà nước;

- Thực hiện nghiêm túc chương trình quan trắc và đánh giá các thông số quy định về môi trường, để có biện pháp xử lý bảo đảm chất lượng môi trường;

- Đáp ứng các yêu cầu về cảnh quan, mỹ quan môi trường, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và người lao động;

- Cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các Tiêu chuẩn, các Quy chuẩn Việt Nam và nếu để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường;
- Cam kết triển khai các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố trong giai đoạn khai thác của mỏ đất.

PHỤ LỤC KÈM THEO BÁO CÁO

PHỤ LỤC 1.1
CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ KÈM THEO

PHỤ LỤC 1.2
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

PHỤ LỤC 1.3
BẢN VẼ CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG